

**TUẦN 18**

 ***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

**Kiến thức cần nhớ**

**1. Tập đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên bài** | **Tác giả** | **Nội dung chính** |
| Ông Trạng thả diều | Trinh Đường | Ông Trạng Nguyễn Hiền nhà nghèo nhưng rất hiếu học |
| "Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi | Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam | Bạch Thái Bưởi từ hai bàn tay trắng đã dựng nên nghiệp lớn nhờ chí lớn |
| Vẽ trứng | Xuân Yến | Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi kiên trì khổ luyện đã trở thành danh họa vĩ đại |
| Người tìm đường lên các vì sao | Lê Nguyên Long - Phạm Ngọc Toàn | Xi-ôn-cốp-xki kiên trì theo đuổi giấc mơ từ nhỏ của mình, đã tìm đường lên được các vì sao |
| Văn hay chữ tốt | Truyện đọc 1 (1995) | Cao Bá Quát kiên trì luyện viết chữ, đã nổi danh là người văn hay chữ tốt. |
| Chú Đất Nung (phần 1-2) | Nguyễn Kiên | Chú Đất Nung nung mình trong lửa đã trở thành người mạnh mẽ và hữu ích. Còn hai người bột yếu ớt gặp nước suýt bị tan ra |
| Trong quán ăn "Ba cá bống" | A-lếch-xây Tôn-xtôi | Chú người gỗ Bu-ra-ti-nô thông minh đã moi được bí mật về chiếc chìa khóa vàng từ "hai kẻ độc ác" |
| Rất nhiều mặt trăng (phần 1 và 2) | Phơ-bơ | Thế giới diệu kì trong mắt trẻ em, được trẻ em nhìn nhận và giải quyết rất khác người lớn |

**2. Luyện từ và câu**

**a. Ôn tập về từ loại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Danh từ** | **Động từ** | **Tính từ** |
| Danh từ là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm, hoặc đơn vị)  **Phân loại danh từ**  Danh từ được phân làm hai loại là danh từ chung và danh từ riêng  **1.1. Danh từ chung**  - Danh từ chung là tên của một loại sự vật.  - Danh từ chung được phân làm danh từ chỉ người,vật, hiện tượng, khái niệm, đơn vị  *a. Danh từ chỉ người*  VD: Ông, bà, cha, mẹ, chú, bác,…  *b. Danh từ chỉ vật*  VD: Nhà, cửa, chó, mèo, mía, dừa,…  *c. Danh từ chỉ hiện tượng*  VD: Mưa, nắng, bão, lụt,…  *d. Danh từ chỉ khái niệm*  Danh từ chỉ khái niệm: biểu thị cái chỉ có trong nhận thức của con người, không có hình thù, không chạm vào hay ngửi, nếm, nhìn …. được  *e. Danh từ chỉ đơn vị*  Danh từ chỉ đơn vị: biểu thị những đơn vị được dùng để tính đếm sự vật  **1.2. Danh từ riêng**  - Danh từ riêng là tên riêng của một sự vật.  - Danh từ riêng luôn luôn được viết hoa | Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.  VD: học bài, tưới cây, quét nhà, lau nhà, đạp xe, …. | Tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái  Một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất  + Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho  + Thêm các từ rất, quá, lắm,... vào trước hoặc sau tính từ  + Tạo ra phép so sánh. |

**b. Câu hỏi**

Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.

**\* Chú ý**

*+ Câu hỏi dùng để hỏi ai?*

Phần lớn câu hỏi dùng để hỏi người khác, nhưng cũng có khi để tự hỏi chính mình

*+ Dấu hiệu nhận biết câu hỏi*

- Câu hỏi thường có các từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, không,...)

- Khi viết cuối câu hỏi thường có dấu hỏi chấm (?)

**3. Tập làm văn**

## a. Kiến thức cần nắm về mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện

**1. Mở bài trong bài văn kể chuyện**

Có hai cách mở bài là mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp

**1.1. Mở bài trực tiếp**

Mở bài trực tiếp là mở bài kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện

**1.2. Mở bài gián tiếp**

Mở bài gián tiếp là nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể

**2. Kết bài trong bài văn kể chuyện**

Có hai cách kết bài là kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng

**2.1. Kết bài mở rộng**

Kết bài mở rộng nêu ý nghĩa hoặc hoặc đưa ra lời bình về câu chuyện

**2.2. Kết bài không mở rộng**

Kết bài không mở rộng chỉ cho biết kết cục của câu chuyện, không bình luận gì thêm.

**b.Cách làm bài văn tả đồ vật**

**1. Mở bài gián tiếp**: (3-4 dòng)

Giới thiệu đồ vật (Đồ vật em định tả là gì? Tại sao em có nó? Có nó vào thời gian nào?)

**2. Thân bài**

a. Tả bao quát: (3-4 dòng): Hình dáng, kích thước, màu sắc

b. Tả chi tiết: (10 – 15 dòng): Tả các bộ phận của đồ vật (khoảng 3-5 bộ phận, mỗi bộ phận tả từ 2-3 câu)

c. Tả công dụng của đồ vật (5-10 dòng): từ 2-3 công dụng

d. Hoạt động hoặc kỉ niệm của em với đồ vật đó (3-4 dòng)

**3. Kết bài mở rộng:** (2-4 dòng)

Nêu cảm nghĩ của em với đồ vật (Em hãy coi nó như là một người bạn của mình).

**B. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Phần I. Đọc hiểu:**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

**BỐ SẼ KHÔNG BAO GIỜ BỎ CON**

Một trận động đất đã xảy ra tại một trường học ở Mĩ. Khung cảnh hoang tàn của ngôi trường sau khi động đất làm những cha mẹ học sinh bật khóc vì tuyệt vọng. Trong khi đội cứu hộ cố gắng cứu một vài em từ những lớp học ít bị đổ nát, một người đàn ông cứ xông vào những nơi nguy hiểm vì những bức tường có thể sập xuống bất cứ lúc nào và luôn miệng hỏi mọi người:

- Có thấy Paul, con trai của tôi đâu không?

Mọi người đều nghĩ rằng ông phát cuồng vì mất con và làm cản trở công việc của những người cứu hộ. Họ khuyên ông nên tránh ra xa nhưng ông nói:

- Tôi luôn nói với Paul rằng dù thế nào đi nữa bố cũng sẽ không bao giờ bỏ rơi con.

Khi đội cứu hộ bắt đầu dừng tay và đinh ninh rằng họ đã cứu hết những người còn sống sót ra khỏi đống gạch vụn thì người đàn ông nọ vẫn kiên nhẫn tìm kiếm. Bỗng ông nghe thấy một tiếng gọi xa xăm từ dưới lòng đất:

- Bố ơi, chúng con ở đây.

Ông điên cuồng đào bới. Mọi người xung quanh thấy thế vội chạy đến hỗ trợ. Như một phép lạ, dưới đống gạch đổ nát là một khoảng trống, trong đó, khoảng hơn một chục đứa trẻ ngước mắt lên hi vọng, chờ đợi. Người cha lần lượt kéo từng đứa trẻ lên và Paul là người lên sau cùng.

Khi đã ở trong vòng tay cha, cậu bé nói trong nước mắt:

- Con biết bố không bao giờ bỏ con mà! Các bạn không tin con và sợ lắm nên con chờ bố đến và để các bạn ra trước vì bố sẽ không bao giờ bỏ con đâu!

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho các câu 1, 4, 5, 6, 7, 8 và trả lời các câu hỏi còn lại

**1. Chuyện gì đã xảy ra với ngôi trường trong câu chuyện ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Một trận động đất đã xảy ra | B. Một vài học sinh đã bị mất tích |
| C. Một trận lũ lụt đã xảy ra | D. Các đáp án trên đều sai |

**2. Đúng ghi Đ, sai ghi S**

|  |  |
| --- | --- |
| Khung cảnh hoang tàn của ngôi trường sau khi động đất làm những cha mẹ học sinh bật khóc vì tuyệt vọng. |  |
| Trong khi đội cứu hộ cố gắng cứu một vài em từ những lớp học ít bị đổ nát, một người phụ nữ cứ xông vào những nơi nguy hiểm. |  |

**3. Động lực nào khiến bố của Paul xông vào nơi nguy hiểm để tìm con?**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**4**.**Chi tiết “*Khi đội cứu hộ bắt đầu dừng tay và đinh ninh rằng họ đã cứu hết những người sống sót ra khỏi đống gạch vụn thì người đàn ông nọ vẫn kiên nhẫn tìm kiếm.”* cho thấy điều gì?**

A.Người bố yêu con tha thiết và ông luôn cố gắng tìm con mình cho dù đứa con không còn nữa.

B. Bố của Paul là một người ngoan cố, ông luôn cố gắng làm những điều không bao giờ có thể thực hiện được.

C. Bố của Paul là một người có sức khỏe phi thường, ông có thể làm những điều mà người khác không thực hiện được

D.Người bố không bao giờ từ bỏ hi vọng sẽ tìm thấy con trong đống đổ nát và nhất định sẽ không bỏ cuộc chừng nào chưa tìm thấy con.

**5. Vì sao ông bố lại điên cuồng đào bới ?**

A. Vì mọi người khuyên ông nên cố gắng hơn nữa

B. Vì bố nhìn thấy một bàn tay nhỏ bé chới với phía đống gạch đổ nát.

C. Vì ông nghe thấy tiếng gọi xa xăm dưới lòng đất

D. Vì ông quá đau khổ khi không tìm thấy con

**6. Người cha đã thấy gì trong đống gạch đổ nát?**

A. Thấy những đứa trẻ đang nằm thoi thóp vì mệt và sợ hãi

B. Những đứa trẻ đang khóc lóc vì lo lắng và sợ hãi

C. Khoảng hơn một chục đứa trẻ ngước mắt lên hi vọng, chờ đợi.

D. Một khoảng trống, không có ai trong đó cả

**7. Vì sao Paul lại nhường các bạn lên trước?**

A. Vì cậu nghĩ rằng các bạn nhỏ bé hơn mình.

B. Vì Paul là một cậu bé dũng cảm, luôn có niềm tin mãnh liệt vào lời hứa của bố.

C. Vì Paul là một cậu bé thông minh và dũng cảm.

D. Vì Paul chờ được bố bế lên, em luôn có niềm tin mãnh liệt vào lời hứa của bố.

**8. Thành ngữ nào dưới đây phù hợp để miêu tả hành động cố gắng tìm kiếm con của ông bố?**

A. Mua việc vào người

B. Còn nước còn tát

C. Còn không biết, hết chẳng hay

D. Cả A, B, C đều đúng.

**9. Qua câu chuyện này, em rút ra được bài học gì?**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Phần II. Luyện từ và câu**

**Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng**

**1. Câu “Ông điên cuồng đào bới.” thuộc kiểu câu kể:**

A. Ai làm gì?

B. Ai là gì?

C. Ai thế nào?

D. Ai - ở đâu

**2. Vị ngữ của câu “Ông điên cuồng đào bới.” là:**

A. Ông B. Điên cuồng C. Điên cuồng đào bới D. Đào bới

**3. Từ láy trong câu: *“Bỗng ông nghe thấy một tiếng gọi xa xăm từ dưới lòng đất.”* thuộc kiểu láy nào dưới đây?**

A. Láy vần

B. Láy âm

C. Láy âm và vần

D. Láy tiếng

**4. Từ *“trận”* trong câu: “*Một trận động đất đã xảy ra tại một trường học ở Mĩ.”* thuộc loại danh từ nào dưới đây?**

A. Danh từ chỉ đơn vị

B. Danh từ chỉ khái niệm

C. Danh từ chỉ vật

D. Danh từ chỉ hiện tượng

**5. Dấu hai chấm trong câu: *“Họ  khuyên ông nên tránh ra xa nhưng ông nói:***

***- Tôi luôn nói với Paul rằng dù thế nào đi nữa bố cũng sẽ không bao giờ bỏ rơi con.”***

**có tác dụng gì?**

A.Báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là suy nghĩ của một nhân vật

B. báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước

C. báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là một chuỗi liệt kê

D. báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật

**Bài 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Gạch dưới từ không phải là động từ trong mỗi dãy từ sau**  1. cho, biếu, tặng, sách, mượn, lấy  2. ngồi, nằm, đi, đứng, chạy, nhanh  3. ngủ, thức, im, khóc, cười, hát  4. hiểu, phấn khởi, lo lắng, sợ hãi | **b) Gạch dưới từ không phải là tính từ trong mỗi dãy từ sau**  1. tốt, xấu, hiền, khen, thông minh, thẳng thắn  2. đỏ tươi, xanh thắm, vàng óng, hiểu biết, tím biếc  3. tròn xoe, méo mó, lo lắng, dài ngoẵng, nặng trịch, nhẹ tênh |

**Bài 3: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu dùng sai từ có tiếng nhân và sửa lại cho đúng:**

1. Thời đại nào nước ta cũng có nhiều nhân tài.
2. Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù.
3. Bà tôi là người nhân hậu, thấy ai khó khăn bà thường hết lòng giúp đỡ.
4. Bác của tôi rất nhân tài

**Bài 4: Nêu rõ tác dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:**

Chưa bao giờ tôi nghĩ là mình có khả năng viết lách. Việc viết một bài thơ, một bài tiểu luận đối với tôi còn khó hơn cả việc “lên rừng, xuống biển”. Thế nhưng tôi lại rất yêu thích công việc này, nên quyết định tham gia một lớp học rèn luyện kĩ năng sáng tác ... “Viết bài cho mọi người đọc ” – điều này cứ ám ảnh tôi mãi. Chắc chắn tôi không thể làm tốt bài tiểu luận này. Chắc chắn cả lớp sẽ giễu cợt điểm kém của tôi.

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 5: Trong những trường hợp sau, các câu hỏi dùng để làm gì?**

a. Tôi không biết làm cách nào để vượt qua sự bế tắc này …Tôi chợt nghĩ đến một người bạn rất yêu sách. **Biết đâu cô ấy có thể giúp tôi được chăng?**

b. Khi tôi dợm bước đi, bà ái ngại nhìn tôi rồi nói:

- Cô triển khai đề tài đó không đúng rồi!

-**Sao cơ? Bà đã nghe hết câu chuyện của tôi ư?** – Tôi cảm thấy bối rối và khó chịu.

c. Bà nhiệt tình hướng dẫn tôi cách xây dựng và phát triển dàn ý của một bài tiểu luận. Tôi đã học được những kĩ năng kinh nghiệm viết lách mà tôi chưa bao giờ biết đến. Tôi hỏi:

**- Bà học cách viết ở đâu mà thông thạo vậy?**

d. Cuối cùng bà cũng đọc xong . Tôi nín thở chờ đợi …

- Nếu tôi là người chầm điểm , tôi sẽ cho cô điểm xuất sắc.

- **Gì cơ? Bà nói thật chứ?** – Tôi ngạc nhiên thốt lên.

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 6: Xếp các từ được in đậm trong đoạn văn sau vào các cột của bảng bên dưới cho phù hợp:**

Vào **cái** **ngày** tôi đưa cho bà **bài luận** dài mười lăm **trang** của mình, tôi **lo lắng** và **hồi hộp** một cách **khó** **tả**. Tôi **quan sát** rất **kĩ** từng **biểu hiện** trên **khuôn mặt** của **bà** khi bà **đọ**c bài luận của tôi. Cuối cùng bà cũng đọc xong . Tôi **nín thở** **chờ đợi** …

- Nếu tôi là người chầm điểm, tôi sẽ cho cô điểm **xuất sắc**.

- Gì cơ? Bà **nói** **thật** chứ? – Tôi **ngạc nhiên** **thốt** lên.

- Đương nhiên rồi. Bài làm thật xuất sắc.

Đó là **giây phút** **làm** **cuộc đời** tôi **thay đổi**. **Cảm giác tự tin** như một luồng điện **chạy** khắp **cơ thể** . Tôi **tin** rằng những gì bà nói là **sự thật**.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Danh từ | Động từ | Tính từ |
| …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… | …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… | …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… |

**Bài 7: Sắp xếp các từ sau vào các cột cho phù hợp:**

Viết lách, rèn luyện, căng thẳng, lo lắng, công cộng, thao thao,ái ngại, bối rối, may mắn, sẵn sàng, hồi hộp, chờ đợi, luồng điện, ám ảnh, tê cứng, ngón tay, chắc chắn, dàn ý.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ghép phân loại | Từ ghép tổng hợp | Từ láy |
| …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… | …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… | …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… |

**Bài 8: Phân tích các bộ phận cấu tạo của từng tiếng sau:**

Tôi đã viết cuốn sách đầu tay để dành tặng riêng cho người đã khơi dậy những khả năng tiềm ẩn trong tôi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh |
| Tôi |  |  |  |
| đã |  |  |  |
| viết |  |  |  |
| cuốn |  |  |  |
| sách |  |  |  |
| đầu |  |  |  |
| tay |  |  |  |
| để |  |  |  |
| dành |  |  |  |
| tặng |  |  |  |
| riêng |  |  |  |
| cho |  |  |  |
| người |  |  |  |
| đã |  |  |  |
| khơi |  |  |  |
| dậy |  |  |  |
| những |  |  |  |
| khả |  |  |  |
| năng |  |  |  |
| tiềm |  |  |  |
| ẩn |  |  |  |
| trong |  |  |  |
| tôi. |  |  |  |

**Bài 9\*: Chuyển các câu hỏi dưới đây thành câu kể và sử dụng dấu câu cho phù hợp. Cho biết những câu kể em vừa viết được dùng để làm gì?**

a) Mẹ sẽ tặng cho mình món quà nào vào ngày sinh nhật nhỉ?

b) Anh đã đi làm chưa hay còn đi học?

c) Đáp án đúng của câu này là B hay C nhỉ?

**Bài 10\* : Điền thành ngữ hoặc tục ngữ tương ứng với mỗi nghĩa sau:**

- Thương yêu mọi người như yêu bản thân mình:

………………………………………………………………………………………………

- Giúp đỡ nhau trong cuộc sống, thấy người khó khăn thì ra tay giúp đỡ:

………………………………………………………………………………………………

- Tính thẳng thắn, bộc trực.

………………………………………………………………………………………………

- Mong ước điều gì được đáp ứng như ý.

………………………………………………………………………………………………

**Bài 11: Viết vào mỗi chỗ trống 2 từ :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Từ gốc:*** | ***Từ ghép*** | ***Từ láy*** |
| Đẹp | ………………………………………… | …………………………………… |
| Xanh | ………………………………………… | …………………………………… |
| Xấu | ………………………………………… | …………………………………… |

**Bài 12** : **Xếp các từ sau vào mỗi cột cho phù hợp :**

*nhân dân; nhân đạo; nhân tâm; nhân tài; nhân lực; nhân vật; nhân nghĩa; nhân quyền*

|  |  |
| --- | --- |
| ***A***  ***Tiếng nhân trong từ có nghĩa là người***  ……………………………………  ……………………………………  …………………………………..  ………………………………….. | ***B***  ***Tiếng nhân trong từ có nghĩa là lòng thương người***  ……………………………………  ……………………………………  …………………………………..  ………………………………….. |

**Bài 13:Nối câu dùng dấu hai chấm với tác dụng của dấu hai chấm trong câu đó:**

|  |
| --- |
| a. Tôi cất tiếng hỏi lớn:  - Ai đứng chóp bu bọn mày? Ra đây ta nói chuyện.  Báo hiệu câu sau nó là lời nhân vật |
| b. Hai bên hồ là những ngọn núi cao chia hồ làm ba phần liền nhau: Bể Lầm, Bể Lèng, Bể Lù. |
| 1. Hiện trước mắt em :   Giải thích rõ cho bộ phận đứng trước  Biển biếc bình minh  Rì rào sóng vỗ |
| d. Hoàng chép miệng : Xong ! |

**Bài 14: Tìm các danh từ có trong đoạn văn sau và ghi vào bảng theo 2 loại danh từ:**

Núi / Sam/ thuộc / làng / Vĩnh Tế./ Làng/ có/ miếu/ Bà Chúa Xứ,/ có/ lăng/ Thoại Ngọc Hầu/ – người/ đã /đào/ con/ kênh/ Vĩnh Tế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh từ chung** | ………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| **Danh từ riêng** | ………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………… |

**Bài 15: Hãy viết lại tên người, tên địa lí sau cho đúng:**

|  |  |
| --- | --- |
| thép mới: …………………………………  diệp kiếm anh: …………………………  xi ôn côp xki: ………………………….  bạch thái bưởi: ………………. …………….. | Bạch long vĩ: ………………………...  Căm pu chia : ……………………..  Mông cổ: ………………………….  Oa sinh tơn :.......................................... |

**Bài 16: Điền các từ láy sau vào chỗ trống cho phù hợp:**

đủng đỉnh, tròn trĩnh, lơ mơ, xào xạc, lao xao, phân vân, thoang thoảng, lạnh lẽo, lanh lảnh,

xanh xanh, lim dim.

a) Từ láy âm đầu: ………………………………………………………………

b) Từ láy vần : ………………………………………………………………....

c) Từ láy cả âm đầu và vần : ………………………………………………………………..

**Bài 17.** Đặt 2 câu kể ***Ai làm gì ?*** Trong đó một câu có VN là ĐT, một câu có VN là cụm ĐT.

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Bài 18: a. Tìm câu kể Ai - làm gì trong đoạn văn.**

**b. Xác định VN của các câu vừa tìm.**

"Đêm trăng - Biển yên tĩnh. Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau ca hát, thổi sáo. Bỗng biển có tiếng động mạnh. Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui".

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Phần III. Tập làm văn**

Đề bài: Hãy tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích

**Phần IV. Chính tả**

**Bài 1: Nghe thầy ( cô) đọc và viết lại đoạn chính tả sau:**

**Cây chuối tơ**

   Tháng ba, sau những đợt mưa xuân, chuối tơ vươn lên phơi phới. Những tàu lá xanh ngắt như những bàn tay xanh nõn nà phe phẩy rung động. Những hạt mưa goc vào tàu lá úa tạo ra những âm thanh nghe thật vui tai. Cái đọt chuối cuốn tròn màu xanh cẩm thạch như một ngón tay búp măng trỏ lên bầu trời. Dưới nắng xuân, lá chuối xanh ngời lên, óng ánh như những tấm gương.

( Lê Như Cương )

**Bài 2 :**

**a) Điền vào chỗ chấm l hay n**

Thằng Thắng, con cá vược của thôn Bần và .....à địch thủ bơi .....ội đáng gờm nhất của bọn trẻ, .....úc ......ày đang ngồi trên chiếc thuyền đậu ở ngoài cùng. ......ó trạc tuổi thằng Chân “phệ” nhưng cao hơn hẳn cái đầu. .....ó cởi trần, phơi .......ước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ ......ớn ......ên với ........ắng, ......ước mặn và gió biển.

**b) Điền vào chỗ chấm an hay ang ( thêm dấu thanh cho thích hợp)**

Trong l....... nắng ửng: khói mơ t......,  
 Đôi mái nhà tranh lấm tấm v..........  
 Sột soạt gió trêu tà áo biếc,  
 Trên gi........ thiên lý. Bóng xuân s..........

**Phần V. Cảm thụ văn học**

Trong bài Tiếng chim buổi sáng, nhà thơ Định Hải viết :

Tiếng chim lay động lá cành

Tiếng chim đánh thức chồi xanh dạy cùng

Tiếng chim vỗ cánh bầy ong

Tiếng chim tha nắng rải đồng vàng thơm...

Theo em, nhà thơ đã sử dụng biện pháp nhgệ thuật gì để miêu tả tiếng chim buổi sáng ? Biện pháp nghệ thuật đó giúp em cảm nhận được tiếng chim buổi sáng có ý nghĩa như thế nào ?

**ĐÁP ÁN**

**Phần I. Đọc hiểu**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | A | D | C | C | B | B |

**2. Đúng ghi Đ, sai ghi S**

|  |  |
| --- | --- |
| Khung cảnh hoang tàn của ngôi trường sau khi động đất làm những cha mẹ học sinh bật khóc vì tuyệt vọng. | **Đ** |
| Trong khi đội cứu hộ cố gắng cứu một vài em từ những lớp học ít bị đổ nát, một người phụ nữ cứ xông vào những nơi nguy hiểm. | **S** |

**3. Động lực nào khiến bố của Paul xông vào nơi nguy hiểm để tìm con?**

Chính tình yêu thương dành cho con, niềm tin mãnh liệt và lời hứa sẽ không bao giờ từ bỏ con đã trở thành động lực để người cha không ngại xông vào nơi nguy hiểm để tìm kiếm con.

**9. Qua câu chuyện này, em rút ra được bài học gì?**

Câu chuyện trên không chỉ cho chúng ta thấy cha mẹ là những người luôn yêu thương và luôn ở bên ta mà còn nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ từ bỏ hi vọng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống.

**Phần II. Luyện từ và câu**

**Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Đáp án | A | C | B | A | D |

**Bài 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1a) Gạch dưới từ không phải là động từ trong mỗi dãy từ sau**  1. cho, biếu, tặng, sách, mượn, lấy  2. ngồi, nằm, đi, đứng, chạy, nhanh  3. ngủ, thức, im, khóc, cười, hát  4. hiểu, phấn khởi, lo lắng, sợ hãi | **1b) Gạch dưới từ không phải là tính từ trong mỗi dãy từ sau**  1. tốt, xấu, hiền, khen, thông minh, thẳng thắn  2. đỏ tươi, xanh thắm, vàng óng, hiểu biết, tím biếc  3. tròn xoe, méo mó, lo lắng, dài ngoẵng, nặng trịch, nhẹ tênh |

**Bài 3:** Khoanh tròn vào đáp án d. Sửa nhân tài thành nhân hậu.

**Bài 4: Nêu rõ tác dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| Dấu ngoặc kép được sử dụng | Tác dụng |
| “lên rừng, xuống biển” | Đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt |
| “Viết bài cho mọi người đọc ” | Đánh dấu ý nghĩ của nhân vật |

**Bài 5: Trong những trường hợp sau, các câu hỏi dùng để làm gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Tác dụng |
| a.Biết đâu cô ấy có thể giúp tôi được chăng? | Tự hỏi mình |
| b. - Sao cơ? Bà đã nghe hết câu chuyện của tôi ư? | Hỏi người khác về điều mình chưa biết |
| c. - Bà học cách viết ở đâu mà thông thạo vậy? | Hỏi người khác về điều mình chưa biết |
| d. - Gì cơ? Bà nói thật chứ? | Khắng định |

**Bài 6: Xếp các từ được in đậm trong đoạn văn sau vào các cột của bảng bên dưới cho phù hợp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Danh từ | Động từ | Tính từ |
| cái, ngày, bài luận, trang, biểu hiện, khuôn mặt, bà, giây phút, cuộc đời , cảm giác cơ thể, sự thật | lo lắng, hồi hộp, tả,quan sát, nói, thốt, làm, chạy, tin, đọc, nín thở, chờ đợi, ngạc nhiên, thay đổi . | khó, xuất sắc, tự tin kĩ |

**Bài 7: Sắp xếp các từ sau vào các cột cho phù hợp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ghép phân loại | Từ ghép tổng hợp | Từ láy |
| luồng điện, tê cứng, ngón tay, dàn ý. | Viết lách, rèn luyện, căng thẳng, lo lắng,ái ngại, chờ đợi. | công cộng, thao thao, bối rối, may mắn, sẵn sàng, hồi hộp,ám ảnh, chắc chắn |

**Bài 8: Phân tích các bộ phận cấu tạo của từng tiếng sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh |
| Tôi | t | ôi | ngang |
| đã | đ | a | ngã |
| viết | v | iêt | sắc |
| cuốn | c | uôn | sắc |
| sách | s | ach | sắc |
| đầu | đ | âu | huyền |
| tay | t | ay | ngang |
| để | đ | ê | hỏi |
| dành | d | anh | huyền |
| tặng | t | ăng | nặng |
| riêng | r | iêng | ngang |
| cho | ch | o | ngang |
| người | ng | ươi | huyền |
| đã | đ | a | ngã |
| khơi | kh | ơi | ngang |
| dậy | d | ây | nặng |
| những | nh | ưng | ngã |
| khả | kh | a | hỏi |
| năng | n | ăng | ngang |
| tiềm | t | iêm | huyền |
| ẩn |  | ân | hỏi |
| trong | tr | ong | ngang |
| tôi. | t | ôi | ngang |

**Bài 9\*:**

a) Mẹ sẽ tặng cho mình món quà nào vào ngày sinh nhật nhỉ?

Mình băn khoăn không biết sẽ được mẹ tặng món quà nào trong ngày sinh nhật.

b) Anh đã đi làm chưa hay còn đi học?

Mình đang không biết anh ấy đã đi làm chưa hay còn đi học.

c) Đáp án đúng của câu này là B hay C nhỉ?

Mình vẫn chưa biết đáp án đúng của câu này là B hay C.

Các câu kể trên được dùng để nêu lên suy nghĩ của người nói.

**Bài 10\* : Điền thành ngữ hoặc tục ngữ tương ứng với mỗi nghĩa sau:**

- Thương yêu mọi người như yêu bản thân mình:

Thương người như thể thương thân

- Giúp đỡ nhau trong cuộc sống, thấy người khó khăn thì ra tay giúp đỡ:

Lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều

- Tính thẳng thắn, bộc trực.

Thẳng như ruột ngựa

- Mong ước điều gì được đáp ứng như ý.

Cầu được ước thấy

**Bài 11: Viết vào mỗi chỗ trống 2 từ :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Từ gốc:*** | ***Từ ghép*** | ***Từ láy*** |
| Đẹp | đẹp tươi, xinh đẹp | đèm đẹp, đẹp đẽ |
| Xanh | xanh mát, xanh tươi | xanh xanh, xanh xao |
| Xấu | xấu hổ, xấu tính | xấu xí, xấu xa |

**Bài 12** :**Xếp các từ sau vào mỗi cột cho phù hợp :**

|  |  |
| --- | --- |
| ***A***  ***Tiếng nhân trong từ có nghĩa là người***  nhân dân, nhân tài, nhân lực, nhân vật, nhân quyền | ***B***  ***Tiếng nhân trong từ có nghĩa là lòng thương người***  nhân tâm. nhân đạo, nhân nghĩa |

**Bài 13:Nối câu dùng dấu hai chấm với tác dụng của dấu hai chấm trong câu đó:**

|  |
| --- |
| a. Tôi cất tiếng hỏi lớn:  - Ai đứng chóp bu bọn mày? Ra đây ta nói chuyện.  Báo hiệu câu sau nó là lời nhân vật |
| b. Hai bên hồ là những ngọn núi cao chia hồ làm ba phần liền nhau: Bể Lầm, Bể Lèng, Bể Lù. |
| 1. Hiện trước mắt em :   Giải thích rõ cho bộ phận đứng trước  Biển biếc bình minh  Rì rào sóng vỗ |
| d. Hoàng chép miệng : Xong ! |

**Bài 14: Tìm các danh từ có trong đoạn văn sau và ghi vào bảng theo 2 loại danh từ:**

Núi / Sam/ thuộc / làng / Vĩnh Tế./ Làng/ có/ miếu/ Bà Chúa Xứ,/ có/ lăng/ Thoại Ngọc Hầu/ – người/ đã /đào/ con/ kênh/ Vĩnh Tế.

|  |  |
| --- | --- |
| Danh từ chung | núi, làng, miếu, lăng, người, con, kênh |
| Danh từ riêng | Sam, Vĩnh Tế, Bà Chúa Xứ, Thoại Ngọc Hầu, Vĩnh Tế |

**Bài 15: Hãy viết lại tên người, tên địa lí sau cho đúng:**

|  |  |
| --- | --- |
| thép mới: Thép Mới  diệp kiếm anh: Diệp Kiếm Anh  xi ôn côp xki: Xi-ôn-cốp-xki  bạch thái bưởi: Bạch Thái Bưởi | Bạch long vĩ: Bạch Long Vĩ  Căm pu chia : Căm-pu-chia  Mông cổ: Mông Cổ  Oa sinh tơn : Oa-sinh-tơn |

**Bài 16: Điền các từ láy sau vào chỗ trống cho phù hợp:**

a) Từ láy âm đầu: đủng đỉnh, tròn trĩnh, xào xạc, lạnh lẽo.

b) Từ láy vần : lơ mơ, lao xao, phân vân, , lim dim.

c) Từ láy cả âm đầu và vần : lanh lảnh, xanh xanh, thoang thoảng

**Bài 17 :** Đặt 2 câu kể ***Ai làm gì ?*** Trong đó một câu có VN là ĐT, một câu có VN là cụm ĐT.

- Bé ca hát.

- Trong vườn, những chú bướm bay dập dờn như múa.

**Bài 18:** "Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa.

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau ca hát, thổi sáo.

Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui".

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Phần III. Tập làm văn**

Đề bài: Hãy tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích

### **Dàn ý:**

### **1. Mở bài:**

### **- Đồ dùng học tập em định miêu tả là gì?**

### **- Nêu lí do tại sao em yêu thích đồ dùng học tập này so với các đồ vật khác**

### **- Em có đồ dùng học tập này vào lúc nào?**

### **2. Thân bài:**

### **a) Tả bảo quát**

### **Miêu tả hình dáng**

### **Miêu tả kích thước**

### **Miêu tả màu sắc**

### **b) Tả chi tiết:Tả các bộ phận của đồ vật**

### **- Đồ dùng học tập có mấy bộ phận ( Ví dụ cặp sách có mấy ngăn, có quai đeo chéo hay quai hai bên)**

### **- Mỗi bộ phận có đặc điểm gì? ) Ví dụ ngăn giữa của hộp bút có màu gì? Ngăn cuối có hình gì?)**

### **c) Tả công dụng của đồ vật**

### **d) Hoạt động hoặc kỉ niệm của em với đồ vật đó**

### **Kể một kỉ niệm đáng nhớ của em gắn liền với đồ dùng học tập của mình như: đi thi, đi học, đi chơi.**

### **3. Kết bài**

### **Nêu cảm nghĩ của em với đồ vật ( Em hãy coi đồ dùng học tập đó như người bạn thân thiết của mình giúp em học tập)**

### ****Bài làm 1:****

Năm nay em đã lên lớp Bốn. Do em phải học bài và làm nhiều bài tập về nhà, bố mẹ đã sắp xếp cho em một góc học tập ngăn nắp, thoáng mát. Đặc biệt hơn cả là cái bàn học xinh xắn đặt kề cửa sổ nhìn ra vườn cây xanh rợp bóng.

Bàn được làm bằng gỗ tạp, chưa phải là gỗ tốt nhưng nhờ được đánh véc-ni nên rất bóng loáng, cùng màu nâu sẫm như ghế và giá sách. Mặt bàn hình chữ nhật, bề dài đúng một sải tay em, bề rộng vừa đủ ba gang, hơi xuôi về phía em đặt ghế, tạo tư thế thoải mái khi em ngồi viết. Độ bóng của véc-ni càng làm nổi rõ những đường vân gỗ rất đẹp. Mép bàn phía trước có một đường rảnh dài, lõm xuống giúp em đựng bút, thước, tẩy... khỏi bị lăn xuống theo độ dốc của bàn. Bên dưới mặt bàn là một ngăn hộc khá rộng, em có thể kéo ra đóng vào dễ dàng khi nắm vào cái tay cầm bằng sắt. Trong ngăn hộc này, em đựng dụng cụ học môn kĩ thuật, bộ đò dùng học toán, nhiều hộp phấn viết bảng trắng lẫn màu, thậm chí có cả mớ dây thun tết hình con rết, nắm sỏi tròn để chơi ô quan... Bốn chân bàn là những thanh gỗ vuông to và cứng cáp, các góc mép được bào nhẵn. Ba thanh gỗ dẹp hơn đóng thành hình chữ H ở chân bàn phía gần mặt đất giữ cho các chân bàn được vững vàng chắc chắn hơn.

Mỗi khi học xong em thường thu dọn sách vở và các thứ trên mặt bàn cho gọn ghẽ rồi lau bàn bằng khăn vải mềm. Không bao giờ em lơ đễnh hay cố ý viết, vẽ bậy lên mặt bàn. Vì vậy mà dùng đã nửa năm bàn vẫn còn mới.

Em yêu quý cái bàn này lắm bởi ngày nào nó cũng cùng em học tập miệt mài. Áp má lên mặt bàn, em nghe mát rượi như có ngọn gió nào thổi từ khu rừng xa xưa nơi cây gỗ này sinh sống. Em tưởng như nghe được lời gió thì thầm nhắc nhở: "Cô chủ ơi, gắng học lên! Chúng tôi tin tưởng nhiều ở cô đấy nhé!".

### ****Bài làm 2:****

Trong buổi tổng kết năm học lớp Ba vừa qua, cô giáo em có phần thưởng riêng của cô dành cho học sinh giỏi của lớp. Có năm bạn được phần thưởng cô tặng. Mỗi bạn được một món, không bạn nào giống bạn nào. Phần em, em được cô tặng một hộp đựng bút.

Cái hộp đựng bút màu xanh da trời in hình chú gấu Mi-sa bê một quả bóng. Hộp được làm bằng nhựa tốt, bọc nệm nhựa êm ái. Hộp dài hai mươi xăng-ti-mét, rộng tám xăng-ti-mét và dày hai xăng-ti-mét. Hộp được thiết kế như một quyển sách. “Bìa sách” mở ra là nắp hộp, gắn một mảnh kim loại to bằng một đốt tay em. Nắp hộp đóng kín nhờ lực hút của hai thanh nam châm gắn ở phần hộp để bút. Trong phần đáy hộp bút, người ta ép đính một mảnh nhựa dẻo rộng sáu phân, may các vành để gài bút vào. Em gài cẩn thận bút mực, bút chì vào các vành tròn đó. Ở một góc của hộp viết có ngăn ô dùng để đựng tẩy và đồ bào chuốt bút chì. Thước kẻ đặt vào hộp vừa khít, không cần gài vào các vành may sẵn. Suốt mùa hè, cái hộp bút đã được em chuẩn bị kĩ càng chờ ngày đón năm học mới. Lên lớp bốn, món quà tặng thưởng của cô giáo chủ nhiệm lớp ba đã theo em vào năm học mới như một lời nhắc nhở động viên em học tập. Em giữ gìn hộp viết cẩn thận và thật sự hạnh phúc khi lúc nào cùng cảm thấy cô giáo cũ thật gần gũi, thân thương.

Hằng ngày lấy bút viết ra học tập, em đều nhớ đến những lời dạy dỗ ân cần của cô giáo cũ. Em rất biết ơn cô giáo đã yêu thương, chăm lo cho em suốt năm học qua. Em sẽ cố gắng đạt được nhiều thành tích học tập hơn nữa để các thầy cô giáo luôn tự hào về chúng em.

**Phần IV. Chính tả**

**Bài 2 :**

**a) Điền vào chỗ chấm l hay n**

Thằng Thắng, con cá vược của thôn Bần và *l*à địch thủ bơi *l*ội đáng gờm nhất của bọn trẻ, *l*úc *n*ày đang ngồi trên chiếc thuyền đậu ở ngoài cùng. *N*ó trạc tuổi thằng Chân “phệ” nhưng cao hơn hẳn cái đầu *n*ó cởi trần, phơi *n*ước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ *l*ớn *l*ên với *n*ắng, *n*ước mặn và gió biển.

b) Điền vào chỗ chấm an hay ang ( thêm dấu thanh cho thích hợp)

Trong l*àn* nắng ửng: khói mơ t*an*,  
 Đôi mái nhà tranh lấm tấm v*àng*.  
 Sột soạt gió trêu tà áo biếc,  
 Trên gi*àn* thiên lý. Bóng xuân s*ang*.

**Phần V. Cảm thụ văn học**

Tác giả đã sử dụng biện pháp nhân hoá để miêu tả tiếng chim buổi sáng (chú ý: Các động từ lay, đánh thức gợi cho ta nghĩ đến những hoạt động của con ng­ười).

Biện pháp nhân hoá giúp ta cảm nhận đ­ược tiếng chim buổi sáng có ý nghĩa thật sâu sắc: Tiếng chim không chỉ làm cho sự vật xung quanh trở nên đầy sức sống (lay động lá cành, đánh thức chồi xanh) mà còn thôi thúc chúng đem lại những lợi ích thiết thực cho mọi ng­ười (vỗ cánh bầy ong đi tìm mật cho đời, tha nắng rải đồng vàng thơm- làm nên những hạt lúa vàng nuôi sống con ng­ười).